

Số: 97/QĐ-ĐHTBD

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành chương trình đào tạo các ngành
trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 15/4/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc Công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-ĐHTBD ngày 01/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương về việc Ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Biên bản họp số 02/BBH-ĐHTBD ngày 05/8/2018 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Thái Bình Dương (có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo các ngành được áp dụng đối với các khóa tuyển sinh năm 2018.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các Khoa, các Bộ môn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3 thực hiện;
- Lưu: VT, PDT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Văn Ba

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: **Quản Trị Kinh Doanh**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Chuyên ngành: **- Quản trị kinh doanh tổng hợp**
- Quản trị Marketing
- Quản trị kinh doanh bất động sản
Loại hình đào tạo: **Chính quy**

*(Ban hành theo Quyết định số: 94/QĐ-ĐHTBD ngày 10/8/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương)*

I. Mục tiêu đào tạo:

1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh cung cấp cho sinh viên môi trường và những hoạt động đào tạo để họ hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, ý thức công dân, tri thức, các kỹ năng cần thiết để có đủ năng lực tiếp cận việc làm và đạt được thành công nghề nghiệp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội với 3 chuyên ngành:

- Quản trị kinh doanh tổng hợp
- Quản trị Marketing
- Quản trị kinh doanh bất động sản

2. **Mục tiêu cụ thể:** Theo chuẩn đầu ra được ban hành theo Quyết định số 03/QĐ-ĐHTBD ngày 03 tháng 03 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.

II. Thời gian đào tạo: 3,5 năm

III. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

123 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

1. Số tín chỉ của chương trình:

- CTĐT đại học: 123 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

2. Số học phần trong chương trình:

- CTĐT đại học bao gồm 41 HP. Số học phần trên không kể các học phần Giáo

dục thể chất và Giáo dục quốc phòng.

3. Tỷ trọng các khối kiến thức phân bổ như sau:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 32,5%.
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 67,5%.
- Tỷ lệ thời lượng thực hành đối với kiến thức ngành là 25%.

4. Khối lượng kiến thức: Được bố trí cân đối giữa các học kỳ của khóa học.

IV. Đối tượng tuyển sinh:

Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế nếu đủ điều kiện sau đây đều có thể dự thi hoặc xét tuyển vào ngành Kế toán:

- Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung cấp.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành.

V. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

Theo Quyết định: Số 51/QĐ-ĐHTBD ngày 01/04/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Thái Bình Dương, số 162/QĐ-ĐHTBD ngày 08/12/2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành điều kiện tốt nghiệp về ngoại ngữ và tin học đối với sinh viên bậc đại học các khóa tuyển sinh từ năm 2017.

VI. Thang điểm: 10

VII. Chương trình đào tạo:

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo tiết			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Trải nghiệm	
I.	Nhóm học phần đại cương		40				
1	GDTC01	Giáo dục thể chất 1	[1]		15	15	
2	GDTC02	Giáo dục thể chất 2	[1]		15	15	1
3	GDTC03	Giáo dục thể chất 3	[1]		15	15	2
4	GDQP01	Giáo dục quốc phòng	[6]	45	75	15	
I.a.	Bắt buộc		13				
5	CTDT01	NNLCB CN Mác-Lênin	5	60	15	15	
6	CTDT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10	10	

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo tiết			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Trải nghiệm	
7	CTDT03	ĐLCM ĐCS Việt Nam	3	30	15	15	
8	CNTT01	Kỹ năng CNTT cơ bản	3	15	30	30	
I.b.	Tiếng Anh giao tiếp		18				
9	TAA101	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A1.1	3	30	15	15	
10	TAA102	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A1.2	3	30	15	15	9
11	TAA201	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A2.1	3	30	15	15	10
12	TAA202	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A2.2	3	30	15	15	11
13	TAB101	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế B1.1	3	30	15	15	12
14	TAB102	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế B1.2	3	30	15	15	13
I.c.	Tự chọn (Chọn 9 tín chỉ)		9				
15	BMQT02	Kỹ năng soạn thảo văn bản	3	30	15	15	8
16	BMQT06	Kỹ năng học đại học và hội nhập	3	30	15	15	
17	LUAT03	Logic và kỹ năng lập luận	3	30	15	15	
18	LUAT37	Đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3	30	15	15	
19	LUAT01	Lý luận nhà nước & pháp luật	3	30	15	15	
20	BMQT34	Kỹ năng thương mại điện tử	3	30	15	15	
21	BMQT03	Nghịệp vụ thư ký văn phòng	3	30	15	15	
22	BMVH01	Tổng quan khoa học xã hội và xã hội học	3	30	15	15	
23	BMVH03	Tâm lý đại cương	3	30	15	15	
24	BMVH04	Lịch sử đại cương	3	30	15	15	
25	BMVH05	Văn hóa đại cương	3	30	15	15	
26	BMVH02	Lễ tân và nghi thức ngoại giao	3	30	15	15	
27	KTKT02	Xác suất và thống kê ứng dụng	3	30	15	15	

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo tiết			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Trải nghiệm	
28	BMQT31	Kỹ năng thuyết trình và hội họp	3	30	15	15	
II.	Nhóm học phần cơ sở ngành		33				
II.a.	Bắt buộc		24				
29	BMQT01	Nhập môn quản trị và quản trị kinh doanh	3	30	15	15	
30	TCNH01	Nhập môn tài chính tiền tệ và ngân hàng	3	30	15	15	
31	KTKT01	Nhập môn kế toán và nguyên lý kế toán	3	30	15	15	
32	BMQT08	Marketing căn bản	3	30	15	15	
33	BMQT04	Kinh tế vi mô	3	30	15	15	
34	BMQT05	Kinh tế vĩ mô	3	30	15	15	
35	TCNH02	Tài chính doanh nghiệp	3	30	15	15	
36	KTKT03	Kế toán quản trị	3	30	15	15	
II.b.	Tự chọn (Chọn 9 tín chỉ)		9				
37	BMQT09	Quản trị nhân sự	3	30	15	15	
38	BMQT10	Hành vi tổ chức	3	30	15	15	
39	BMQT11	Phương pháp NCKH kinh tế	3	30	15	15	
40	LUAT55	Pháp luật kinh doanh	3	30	15	15	
41	BMQT33	Quản trị khởi nghiệp và hội nhập	3	30	15	15	
42	BMQT32	Xây dựng thương hiệu cá nhân	3	30	15	15	
43	LUAT09	Luật dân sự - Tài sản và quyền sở hữu	3	30	15	15	
44	LUAT10	Luật dân sự - Nghĩa vụ và hợp đồng	3	30	15	15	
45	LUAT12	Luật thương mại - Các chủ thể kinh doanh	3	30	15	15	
46	LUAT13	Luật thương mại - Các hoạt động thương mại	3	30	15	15	

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo tiết			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Trải nghiệm	
III.	Nhóm học phần ngành		27				
III.a.	Bắt buộc		18				
47	BMQT30	Kỹ năng kinh doanh và bán hàng	3	30	15	15	
48	BMQT15	Hành vi người tiêu dùng	3	30	15	15	
49	BMQT16	Quản trị marketing và thương hiệu	3	30	15	15	
50	BMQT17	Quản trị văn phòng	3	30	15	15	
51	BMQT19	Kỹ năng quản lý và nghệ thuật lãnh đạo	3	30	15	15	
52	BMQT28	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	3	30	15	15	
III.b.	Tự chọn (Chọn 9 tín chỉ)		9				
53	CTDT04	Thực tế doanh nghiệp và cộng đồng	3	30	15	15	
54	BMQT51	Thực tập kinh doanh N1 (12 tuần)	3				
55	BMQT52	Thực tập kinh doanh N2 (12 tuần)	3				
56	BMQT54	Thực tập kinh doanh N4 (12 tuần)	3				
57	CTDT51	Tham luận hội thảo chuyên đề 1	3				
58	CTDT52	Tham luận hội thảo chuyên đề 2	3				
59	CTDT53	Tham luận hội thảo chuyên đề 3	3				
60	CTDT54	Tham luận hội thảo chuyên đề 4	3				
61	BMQT29	Tiếng Anh chuyên ngành	3	30	15	15	
62	LUAT18	Luật cạnh tranh	3	30	15	15	
63	BMQT14	Quản trị chiến lược	3	30	15	15	
64	BMQT18	Quản trị chất lượng	3	30	15	15	
65	TCNH03	Quản trị tài chính	3	30	15	15	

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo tiết			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Trải nghiệm	
66	BMQT20	Kinh tế quốc tế	3	30	15	15	
IV.	Nhóm học phần chuyên ngành		9				
IV.a.	Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh tổng hợp		9				
67	BMQT21	Quản trị bán hàng và đội ngũ kinh doanh	3	30	15	15	
68	BMQT22	Quản trị khách hàng và quan hệ công chúng	3	30	15	15	
69	BMQT23	Đề án lập kế hoạch Marketing	3				
70	BMQT25	Quản trị rủi ro	3	30	15	15	
71	BMQT26	Quản lý dự án	3	30	15	15	
72	TCNH04	Kinh doanh tài chính tiền tệ	3	30	15	15	
73	BMQT27	Quản trị sản xuất và điều hành	3	30	15	15	
74	BMQT81	Môi giới bất động sản (chứng chỉ)	3				
75	BMQT82	Định giá bất động sản (chứng chỉ)	3				
76	BMQT83	Quản lý điều hành sàn giao dịch BĐS (chứng chỉ)	3				
IV.b.	Chuyên ngành: Quản trị Marketing		9				
77	BMQT21	Quản trị bán hàng và đội ngũ kinh doanh	3	30	15	15	
78	BMQT22	Quản trị khách hàng và quan hệ công chúng	3	30	15	15	
79	BMQT23	Đề án lập kế hoạch Marketing	3	30	15	15	
80	BMQT25	Quản trị rủi ro	3	30	15	15	
81	BMQT26	Quản lý dự án	3	30	15	15	
82	BMVH07	Tâm lý khách du lịch	3	30	15	15	
83	DLKS06	Tổ chức sự kiện và lễ hội	3	30	15	15	

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo tiết			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Trải nghiệm	
IV.c.	Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh bất động sản		9				
84	BMQT21	Quản trị bán hàng và đội ngũ kinh doanh	3	30	15	15	
85	BMQT22	Quản trị khách hàng và quan hệ công chúng	3	30	15	15	
86	BMQT23	Đề án lập kế hoạch Marketing	3	30	15	15	
87	BMQT25	Quản trị rủi ro	3	30	15	15	
88	BMQT26	Quản lý dự án	3	30	15	15	
89	BMQT81	Môi giới bất động sản (chứng chỉ)	3				
90	BMQT82	Định giá bất động sản (chứng chỉ)	3				
91	BMQT83	Quản lý điều hành sàn giao dịch BĐS (chứng chỉ)	3				
V.	Nhóm học phần tốt nghiệp		14				
92	BMQT07	Kỹ năng tìm việc và thích nghi công việc	3	30	15	15	
93	BMQT53	Thực tập tốt nghiệp (3 tháng)	5				
94	BMQT91	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc chọn thay thế các mục tự chọn) (3 tháng)	6				
	Tổng cộng		123				

VIII. Kế hoạch đào tạo:

Học kỳ	STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	1	TAA101	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A1.1	3
	2	TAA102	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A1.2	3
	3	BMQT01	Nhập môn quản trị và quản trị kinh doanh	3

	4	TCNH01	Nhập môn tài chính tiền tệ và ngân hàng	3
	5	KTKT01	Nhập môn kế toán và nguyên lý kế toán	3
		Tổng cộng		15
2	1	GDTC01	Giáo dục thể chất 1	1
	2	TAA201	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A2.1	3
	3	TAA202	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế A2.2	3
	4	CNTT01	Kỹ năng CNTT cơ bản	3
	5	BMQT04	Kinh tế vi mô	3
	6	KTKT03	Kế toán quản trị	3
		Tổng cộng		16
3	1	GDTC02	Giáo dục thể chất 2	1
	2	CTDT01	NNLCB CN Mác-Lênin	5
	3	BMQT51	Thực tập kinh doanh N1	3
		Tổng cộng		9
4	1	TAB101	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế B1.1	3
	2	TAB102	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế B1.2	3
	3	BMVH03	Tâm lý đại cương	3
	4	BMQT05	Kinh tế vĩ mô	3
	5	BMQT08	Marketing căn bản	3
	6	BMQT02	Kỹ năng soạn thảo văn bản	3
		Tổng cộng		18
5	1	TCNH02	Tài chính doanh nghiệp	3
	2	BMQT34	Kỹ năng thương mại điện tử	3
	3	BMQT15	Hành vi người tiêu dùng	3
	4	BMQT16	Quản trị marketing và thương hiệu	3
	5	BMQT17	Quản trị văn phòng	3
	6	CTDT04	Thực tế doanh nghiệp và cộng đồng	3
		Tổng cộng		18
6	1	CTDT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
	2	GDTC03	Giáo dục thể chất 3	1
	3	CTDT03	ĐLCM ĐCS Việt Nam	3

	4	BMQT52	Thực tập kinh doanh N2	3
		Tổng cộng		9
7	1	BMQT19	Kỹ năng quản lý và nghệ thuật lãnh đạo	3
	2	BMQT33	Quản trị khởi nghiệp và hội nhập	3
	3	BMQT30	Kỹ năng kinh doanh và bán hàng	3
	4	BMQT21	Quản trị bán hàng và đội ngũ kinh doanh	3
	5	BMQT22	Quản trị khách hàng và quan hệ công chúng	3
	6	BMQT23	Đề án lập kế hoạch Marketing	3
		Tổng cộng		18
8	1	GDQP01	Giáo dục quốc phòng	6
	2	LUAT55	Pháp luật kinh doanh	3
	3	BMQT32	Xây dựng thương hiệu cá nhân	3
	4	BMQT28	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	3
	5	BMQT07	Kỹ năng tìm việc và thích nghi công việc	3
		Tổng cộng		18
9	1	BMQT53	Thực tập tốt nghiệp	5
		Chọn học phần thay thế hoặc viết KLTN		
	2	BMQT09	Quản trị nhân sự (thay KLTN)	3
	3	BMQT10	Hành vi tổ chức (thay KLTN)	3
	4	BMQT91	Khóa luận tốt nghiệp	6
		Tổng cộng		11

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Văn Ba

TRƯỞNG KHOA

TS. Phạm Văn Hải